



KOLBEN

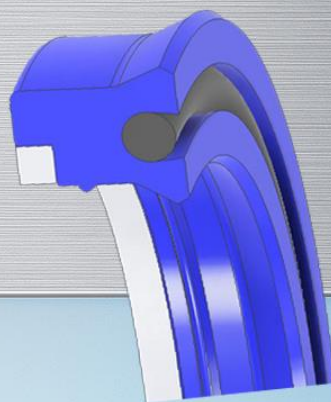
KOLBEN MASTER PRO

K628



Phốt Ty

2 Môi &
Chống Sốc Áp



THIẾT KẾ

K628 là loại phốt 2 môi có vòng đệm giảm xóc, chống sốc áp. Chúng có thể sử dụng trong các ứng dụng nghiêm ngặt như cần cẩu, máy xúc, nhà máy thép, xi măng, cầu cảng, các ứng dụng tải trọng lớn.....

Nó giữ nguyên vai trò quan trọng nhất của xi lanh thủy lực. K628 là sản phẩm tốt nhất trong dòng sản phẩm có hiệu suất chịu áp suất và nhiệt độ cao. KOLBEN UPA1003® là vật liệu tuyệt hảo, được sử dụng trong các ứng dụng khắc nghiệt.

ỨNG DỤNG

- Cần cẩu, Cơ Giới Công Trình
- Công nghiệp nặng & nhẹ
- Xây dựng và khai khoáng
- Nhà máy thép

ĐẶC ĐIỂM

- Chống mài mòn & cắt xé vượt trội
- Dễ dàng lắp đặt
- Độ nén thấp

GIÁ TRỊ KHÁCH HÀNG

- Tải thấp ở tốc độ cao, vận hành êm, ít tiếng ồn
- Gờ chính được bảo vệ
- Khả năng chống đùn và chống mài

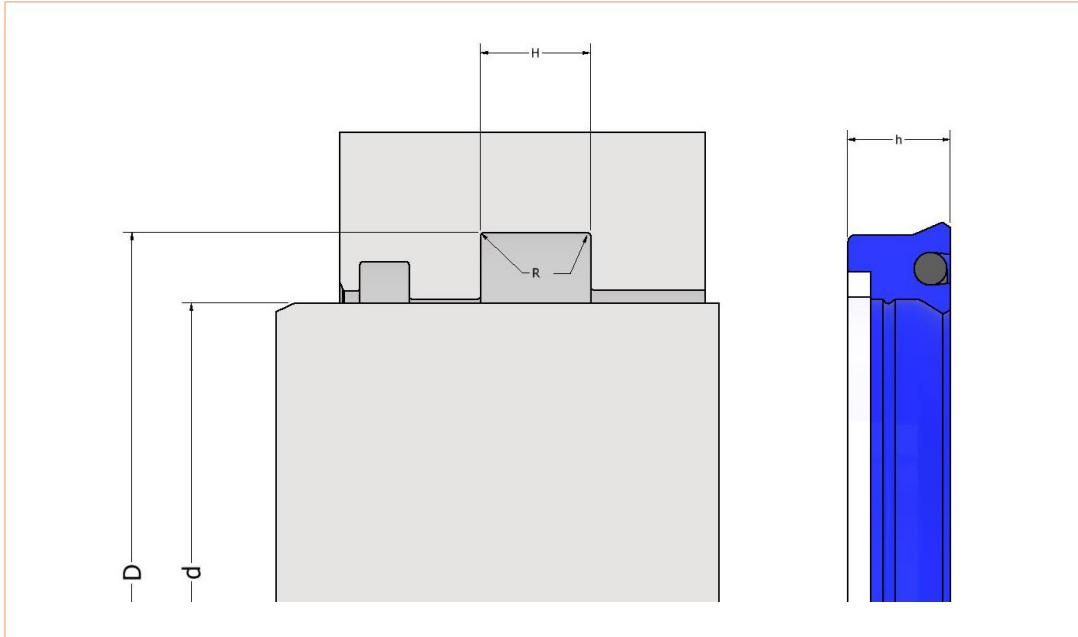
VẬT LIỆU

KOLBEN UPA1003®

ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Nhiệt Độ Tối Ưu : -30oC đến 115oC

Áp Lực Tối Đa : 700 Bar (70 Mpa) (10.000 PSI)



Hướng Dẫn Đặt Hàng :

Loại U-Cup K628
 Đường kính ty (Rod diameter): $d = 45 \text{ mm}$
 Đường kính rãnh (Groove diameter): $D = 60 \text{ mm}$
 Chiều cao phớt (Seal Height): $H = 10 \text{ mm}$
 Mã số KOLBEN (KOLBEN Part No.): **628456010**

Vật liệu

Tiêu chuẩn KOLBEN UPA1003®

Polyurethane đặc biệt: 93 Shore A

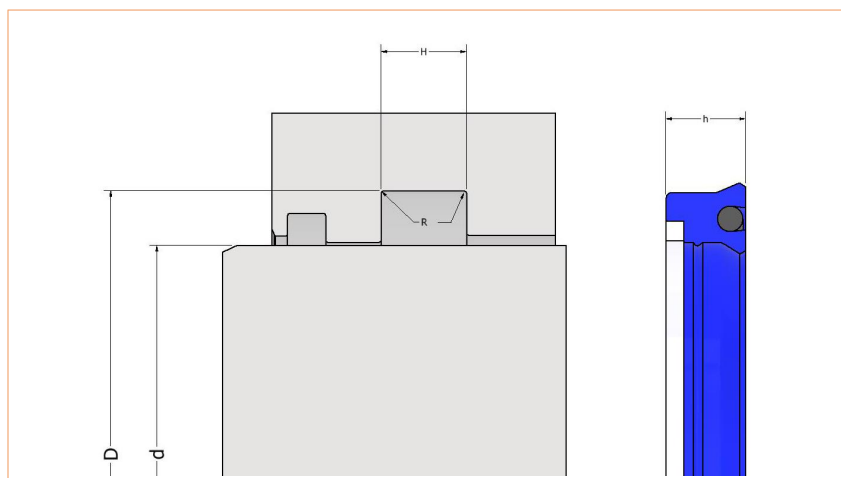
Màu sắc: Xanh / Đỏ

KOLBEN Part No.

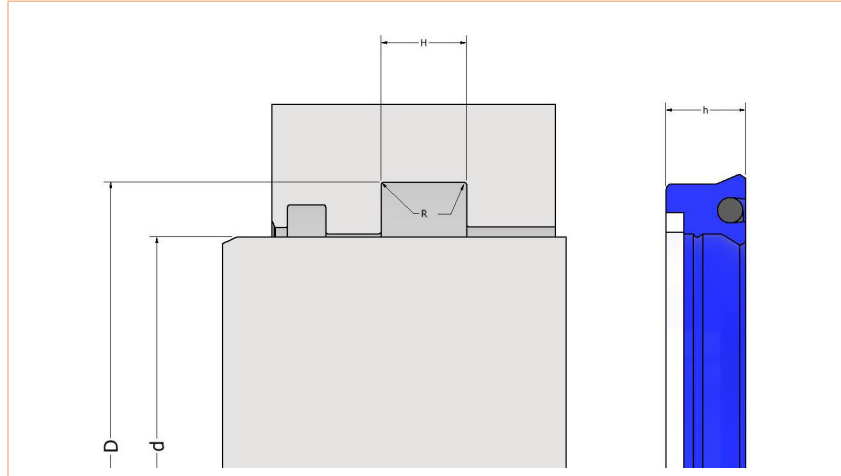
628 45 60 10
 Mã Hàng
 Đường Kính Ty
 Đường Kính Rãnh
 Chiều Cao Phớt

VẬT LIỆU	MÔI CHẤT	NHIỆT ĐỘ °C	TỐC ĐỘ	ÁP SUẤT	KHE HỎ F
KOLBEN UPA1003®	Dầu thủy lực VG 32, 46, 68 (DIN 51524) Mỡ	-35 to +115	$\leq 1,0\text{m/s}$	300 Bar	$F \leq 0,6 \text{ mm}$
				400 Bar	$F \leq 0,5 \text{ mm}$
				700 Bar	$F \leq 0,4 \text{ mm}$

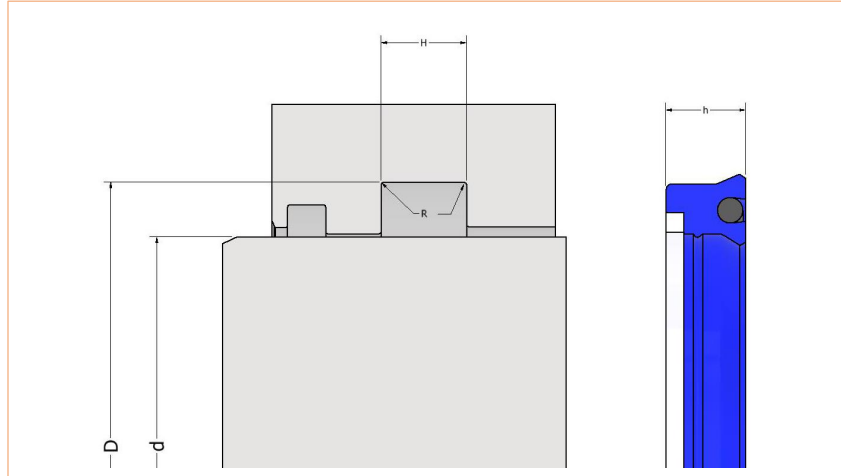




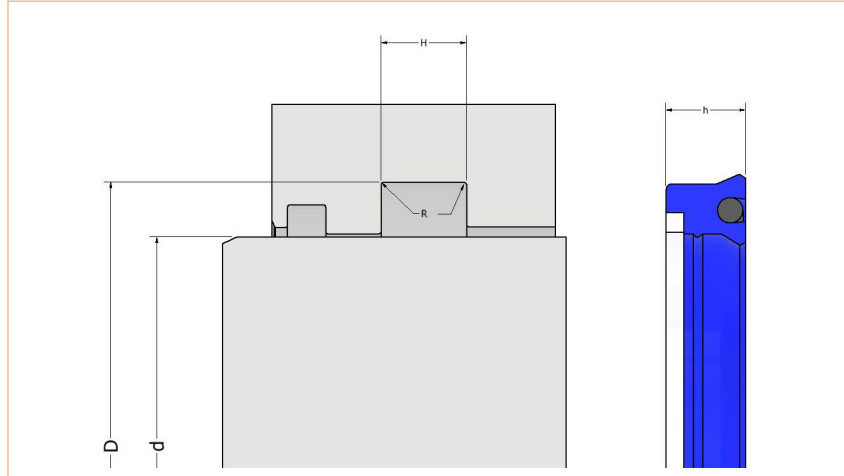
Mã Hàng	Đường Kính Trong	Đường Kính Rãnh Ngoài	Chiều Cao Phốt	Chiều Cao Rãnh	KOLBEN Part No.
	d f7	D H9	h	H +0,2	
K628	35	50	9	9,5	62835509
K628	35	50	10	10,5	628355010
K628	40	50	7,3	7,8	628405073
K628	40	55	9	9,5	62840559
K628	40	55	10	10,5	628405510
K628	40	60	12	12,5	628406012
K628	44.45	57.15	9,53	10,03	62844455715953
K628	45	55	7.3	8	628455573
K628	45	60	10	10,5	628456010
K628	45	65	10	10,5	628456510
K628	45	65	12	12,5	628456512
K628	50	60	7,3	8	628506073
K628	50	65	9	9,5	62850659
K628	50	63	10	10,5	628506310
K628	50	65	10	10,5	628506510
K628	50	65	11,5	12,5	6285065115
K628	50	70	12	12,5	628507012
K628	55	65	7	7,5	62855657
K628	55	65	8	8,5	62855658
K628	55	70	9	9,5	62855709
K628	55	65	10	10,5	628556510
K628	55	68	10	10,5	628556810
K628	55	70	12	12,5	628557012
K628	55	75	12	13	628557512



Mã Hàng	Đường Kính Trong	Đường Kính Rãnh Ngoài	Chiều Cao Phốt	Chiều Cao Rãnh	KOLBEN Part No.
	d f7	D H9	h	H +0,2	
K628	60	70	8	9	62860708
K628	60	75	9	10	62860759
K628	60	73	10	11	628607310
K628	60	75	10	11	628607510
K628	60	73	12	13	628607312
K628	60	75	11,5	13	6286075115
K628	65	75	8	9	62865758
K628	65	80	9	10	62865809
K628	65	78	10	11	628657810
K628	65	80	12	13	628658012
K628	65	85	12	13	628658512
K628	70	80	9	10	62870809
K628	70	85	9	10	62870859
K628	70	83	10	11	628708310
K628	70	85	10	11	628708510
K628	70	85	12	13	628708512
K628	70	90	12	13	628709012
K628	75	90	9	10	62875909
K628	75	88	10	11	628758810
K628	75	90	12	13	628759012
K628	80	90	8	9	62880908
K628	80	95	9	10	62880959
K628	80	93	10	11	628809310
K628	80	95	10	11	628809510
K628	80	95	12	13	628809512



Mã Hàng	Đường Kính Trong	Đường Kính Rãnh Ngoài	Chiều Cao Phốt	Chiều Cao Rãnh	KOLBEN Part No.
	d f7	D H9	h	H +0,2	
K628	85	100	9	10	628851009
K628	85	100	10	11	6288510010
K628	85	100	12	13	6288510012
K628	85	105	12	13	6288510512
K628	90	105	9	10	628901059
K628	90	105	10	11	6289010510
K628	90	105	11,5	13	62890105115
K628	90	110	12	13	6289011012
K628	95	110	9	10	628951109
K628	95	110	10	11	6289511010
K628	95	110	12	13	6289511012
K628	100	115	9	10	6281001159
K628	100	115	10	11	62810011510
K628	100	115	12	13	62810011512
K628	100	120	12	13	62810012012
K628	105	120	9	10	6281051209
K628	105	120	10	11	62810512010
K628	105	125	12	13	62810512512
K628	110	125	9	10	6281101259
K628	110	130	10	11	62811013010
K628	110	125	11	12	62811012511
K628	110	130	12	13	62811013012
K628	115	130	9	10	6281151309
K628	115	135	12	13	62811513512



Mã Hàng	Đường Kính Trong	Đường Kính Rãnh Ngoài	Chiều Cao Phốt	Chiều Cao Rãnh	KOLBEN Part No.
	d f7	D H9	h	H +0,2	
K628	120	135	9	10	6281201359
K628	120	140	12	13	62812014012
K628	125	140	9	10	6281251409
K628	125	145	12	13	62812514512
K628	125	145	15	16	62812514515
K628	130	145	9	10	6281301459
K628	130	150	12	13	62813015012
K628	135	150	9	10	6281351509
K628	140	160	12	13	62814016012
K628	145	160	15	16	62814516015
K628	150	170	12	13	62815017012
K628	175	190	9	10	6281751909
K628	180	200	12	13	62818020012
K628	180	205	15	16	62818020515
K628	200	220	12	13	62820022012

